

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

Ông Nguyễn Hồng Tý.

Thư ký phiên toà: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện VKSND huyện XM tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 76/2020/HSST ngày 01 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. **TCH**, sinh năm: 1990, tại Quảng Bình – (Có mặt).

HKTT: Tổ 5, khu phố PL, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: V Nam.

Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Nấu ăn.

Học vấn: 10/12.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

Họ tên cha: TBH (C).

Họ tên mẹ: NTQ, sinh năm 1960.

2. **BVM**, sinh năm: 1980, tại Thanh Hoá – (Có mặt).

HKTT: Đội 7, thôn ĐTH, xã HH, huyện HH, tỉnh Thanh Hoá.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 3, khu phố LS, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: V Nam.

Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Thợ cơ khí.

Học vấn: 7/12.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

Họ tên cha: BVH, sinh năm: 1948.

Họ tên mẹ: LTT, sinh năm 1944.

Họ tên vợ: VTT, sinh năm: 1983 và 03 con, lớn sinh năm: 2006, nhỏ sinh năm: 2019.

3. **CNS**, sinh năm: 1971, tại Hưng Yên – (Có mặt).

HKTT: Tổ 5, khu phố PL, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: V Nam.

Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm rẫy. Học vấn: 1/12.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

Họ tên cha: CGH, sinh năm: 1940.

Họ tên mẹ: NTC, sinh năm 1946.

Họ tên vợ: NTVA, sinh năm: 1980 và 01 con, sinh năm: 2013.

4. DDT, sinh năm: 1990, tại Nghệ An – (Có mặt).

HKTT: Ấp TT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Dân tộc: Kinh. Quốc Tịch: V Nam. Tôn giáo: Thiên chúa giáo.

Nghề nghiệp: Trang trí nội thất. Học vấn: 11/12.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

Họ tên cha: ĐDB, sinh năm: 1962.

Họ tên mẹ: NTL, sinh năm 1963.

Họ tên vợ: TTTM, sinh năm: 1999 và 02 con, lớn sinh năm: 2017, nhỏ sinh năm: 2020.

5. NVT, sinh năm: 1990, tại Quảng Bình – (Có mặt).

HKTT: Xóm 7, thôn TL, xã QH, huyện QT, tỉnh Quảng Bình.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 14, khu phố HT, TT LH, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Dân tộc: Kinh.

Quốc Tịch: V Nam.

Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm Biển.

Học vấn: 9/12.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bắt ngày: 02/6/2020.

Họ tên cha: NVT, sinh năm: 1958.

Họ tên mẹ: VTL, sinh năm 1964.

6. NNV, sinh năm: 1987, tại Quảng Bình – (Có mặt).

HKTT: Tổ 5, khu phố PL, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Dân tộc: Kinh.

Quốc Tịch: V Nam.

Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm Biển.

Học vấn: 8/12.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

Họ tên cha: NNT, sinh năm: 1952.

Họ tên mẹ: PTV, sinh năm 1954.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NTP, sinh năm: 1983 - (Có mặt).

HKTT: Khu phố PL, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. LTTN, sinh năm: 1974 - (Vắng mặt).

HKTT: Khu phố TS, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. NVĐ, sinh năm: 1980– (Vắng mặt).

HKTT: Ấp 9, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

4. TTTM, sinh năm: 1999 – (Vắng mặt).

HKTT: Ấp TT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. LTBT, sinh năm: 1984 – (Có mặt).

HKTT: Khu phố TS, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. NVT, sinh năm: 1987 – (Vắng mặt).

HKTT: Khu phố PL, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

7. NMH, sinh năm: 1973 – (Vắng mặt).

HKTT: Ấp ML, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 02/6/2020 tại nhà của V, Công an huyện XM phối hợp với Công an TT Phước Bửu phát hiện, bắt quả tang ĐDT, NVT, TCH, BVM, CNS, NNV có hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài cào. Thu giữ tại chiếu bạc 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm ngàn), trên người các con bạc 7.200.000 (Bảy triệu hai trăm ngàn) và 100.000Đ (Một trăm ngàn) tiền xâu, 04 bộ bài tây, 01 chẵn hoa, 01 hũ sừ cùng một số điện thoại di động và xe máy. Qua làm việc các con bạc khai nhận:

Khoảng 16h00 ngày 02/6/2020, T,T,H đến nhà V để uống rượu. Sau đó, T,T,H rủ nhau đánh bài cào liêng ăn thua bằng tiền tại nhà V. V không tham gia chơi nhưng đồng ý đứng ra tổ chức, chuẩn bị 04 bộ bài, 01 chẵn hoa và 01 hũ sảnh để phục vụ cho việc đánh bạc và thu tiền xâu. Chơi được một lúc thì có thêm S,M đến; cả nhóm gồm T, T, H, S,M chơi đánh bài dưới hình thức sau:

Trước khi chia bài mỗi người sẽ bỏ ra 100.000Đ (Một trăm ngàn) gọi là tiền đường, sau đó mỗi người sẽ được chia 03 lá bài, người thắng ở ván trước sẽ đứng ra làm cái và chia bài, các con bạc sẽ có các lựa chọn như “ úp bài ” nếu thấy bài thấp không thể thắng được và kết thúc ván bài của mình, “ tố ” nếu thấy bài của mình cao và phải đặt thêm tiền cược để tố. Số tiền tố thấp nhất là 100.000 (Một trăm ngàn), cao nhất là 500.000Đ (Năm trăm ngàn) và không giới hạn số lần tố trong mỗi ván, “ theo” nếu đồng ý và đặt cược bằng số tiền người tố trước. Tiếp đó, sẽ phân định thắng, thua như sau: Người nào có 03 con bài giống nhau (gọi là sập) là cao nhất sẽ thắng, người có 03 con bài liên tiếp nhau (gọi là liêng), tiếp đó là bài có 03 con tiên và cuối cùng tính điểm. Trong 03 con bài cộng lại được 09 điểm là cao nhất, thấp nhất là 0 điểm. Nếu mỗi ván bài, số tiền thắng, thua trên 1.000.000Đ (Một triệu) thì sẽ nộp tiền xâu cho V 50.000Đ (Năm mươi ngàn).

Khi đến nhà V thì T mang theo 1.200.000Đ (Một triệu hai trăm ngàn), H mang theo 1.410.000Đ (Một triệu bốn trăm mười ngàn), S mang theo 1.340.000Đ (Một triệu ba trăm bốn mươi ngàn) và 5.000.000Đ (Năm triệu) V trả cho S tiền nợ trước đó, tổng cộng S có 6.340.000Đ (Sáu triệu ba trăm bốn mươi ngàn), M mang theo 1.050.000Đ (Một triệu không trăm năm mươi ngàn), T mang theo 4.000.000Đ (Bốn triệu), T sử dụng 3.500.000Đ (Ba triệu năm trăm ngàn) để đánh bạc.

Thu giữ tại chiếu bạc 6.400.000Đ (sáu triệu bốn trăm ngàn) là tiền các con bạc tham gia đánh bạc, tuy nhiên các bị can không nhớ chính xác số tiền của mình trong tổng số tiền thu tại chiếu bạc là bao nhiêu.

Ngoài ra, thu giữ số tiền trên người T 100.000Đ (Một trăm ngàn), H 410.000Đ (Bốn trăm mười ngàn), S 5.640.000Đ (Năm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn), M 550.000Đ (Năm trăm năm mươi ngàn) là tiền sử dụng để đánh bạc, thu

giữ của T 500.000Đ (Năm trăm ngàn) là T để tiêu xài, không dùng vào việc đánh bạc .

Đối với V không tham gia đánh bạc nhưng chuẩn bị bài, chắn, hũ sù để các con bạc tham gia đánh bạc tại nhà và thu tiền xâu. Tại thời điểm bị bắt, V thu được 600.000Đ (Sáu trăm ngàn) tiền xâu và sử dụng 500.000Đ (Năm trăm ngàn) để mua đồ ăn, nước uống cho các con bạc, còn lại 100.000Đ (Một trăm ngàn) để trong hũ sù thì bị thu giữ.

Vật chứng, tài sản thu giữ và xử lý: sau khi thu giữ Cơ quan điều tra đã trả cho H 01 điện thoại; trả cho T 01 xe mô tô, 01 điện thoại; trả cho T 01 xe mô tô; trả cho N 01 xe mô tô; trả cho P 02 xe mô tô; trả cho Đ 01 xe mô tô; trả cho S 01 điện thoại di động; trả cho T 01 điện thoại di động; trả cho M 01 xe mô tô và 01 điện thoại di động.

Riêng số tiền 13.700.000Đ (Mười ba triệu bảy trăm ngàn) thu tại chiếu bạc và trên người con bạc cùng tiền xâu; 04 bộ bài tây; 01 hũ sù, kích thước 10x10x15cm; 01 tấm chắn bông, kích thước 02mx02m hiện đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM chờ xử lý.

Cáo trạng số: 79/CT-VKS-XM ngày 31/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM đã truy tố các bị cáo: TCH, BVM, CNS, ĐDT, NVT, NNV về tội: “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khác đã khai nhận hành vi của mình như đã khai báo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã nêu. Tất cả các bị cáo đều xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Chị P đã nhận lại tài sản không có ý kiến, yêu cầu gì thêm, chị T đã bán xe cho chị P nên cũng không có ý kiến yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo TCH, BVM, CNS, ĐDT, NVT, NNV phạm tội: “Đánh bạc”.

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt TCH từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù.

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt BVM từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt CNS từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù.

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt ĐDT từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù.

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt NVT từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù.

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt NNV từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Vật chứng: đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS:

Trả lại cho NVT 500.000Đ (Năm trăm ngàn). Tịch thu sung công quỹ nhà nước 13.200.000Đ (Mười ba triệu hai trăm ngàn) thu tại chiếu bạc và trên người con bạc cùng tiền xâu.

Tịch thu tiêu hủy: 04 bộ bài tây; 01 hũ sù, kích thước 10x10x15cm; 01 tấm chăn bông, kích thước 02mx02m.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận: Vào lúc 16h00 ngày 02/6/2020 TCH, BVM, CNS, ĐDT, NVT, NNV tổ chức đánh bài đánh bài ăn tiền tại nhà V thì bị phát hiện bắt giữ.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã nêu. Phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận: Vào lúc 16h00 ngày 02/6/2020 TCH, BVM, CNS, ĐDT, NVT đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào liêng ăn thua bằng tiền tại nhà V. NNV chuẩn bị bài, chắn, hũ sù để các con bạc tham gia đánh bạc tại nhà và thu tiền xâu thì bị công an bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây ra sự bất bình, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Các bị cáo TCH, BVM, CNS, ĐDT, NVT chơi đánh bài cào liêng ăn thua bằng tiền. NNV không tham gia đánh bài nhưng chuẩn bị bài, chắn, hũ sù để người khác đánh bài ăn tiền tại nhà. Mặc dù các bị cáo khai nhận không nhớ số tiền cụ thể của từng người dùng vào việc đánh bạc, nhưng số tiền thu tại chiếu bạc và số tiền thu trong người các bị cáo mà các bị cáo sẽ dùng vào việc đánh bạc là 13.100.000Đ (Mười ba triệu một trăm ngàn). Tiền xâu là 600.000Đ (Sáu trăm ngàn), tiền xâu cũng được trích ra từ số tiền đánh bạc nên tổng cộng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 13.700.000Đ (Mười ba triệu bảy trăm ngàn). Bị cáo V không tham gia đánh bạc nhưng chuẩn bị bài, chắn, hũ sù để người khác đánh bài ăn tiền tại nhà nên phạm tội với vai trò giúp sức. Do đó, các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm với số tiền đánh bạc là 13.700.000Đ (Mười ba triệu bảy trăm ngàn), nên các bị cáo đã phạm vào tội: “Đánh bạc ” được quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự.

Mặc dù có nhiều người tham gia nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau nên không phải là phạm

tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Bì vậy các bị cáo đã vi phạm vào Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Xét nhân thân bị cáo: Các bị cáo đều là những người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức về xã hội. Ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng do coi thường pháp luật, háms lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nhưng lười lao động nên các bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm hại đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây ra sự bất bình, lo lắng trong quần chúng nhân dân, mà còn ảnh hưởng đến nếp sống văn minh, lành mạnh mà xã hội đang xây dựng. Cờ bạc là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tệ nạn xã hội thậm chí là tội phạm khác. Vì vậy cần xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Mặc dù có nhiều bị cáo cùng phạm tội, tuy nhiên việc phạm tội là bột phát nên vai trò của các bị cáo là ngang nhau. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc để quyết định hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo S là người dùng số tiền lớn nhất để đánh bạc, tiếp đến là bị cáo T, H, T và M. Vì vậy, các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với số tiền dùng vào việc đánh bạc.

Trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, mà có các tình tiết giảm nhẹ là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội do bột phát nên cũng xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Xét thấy: TCH, BVM, CNS, ĐDT, NNV có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nếu giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Vì vậy, không nhất thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo H, M, S, T, V hưởng án treo.

Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc đều nhằm mục đích thu lợi, nhưng xét điều kiện kinh tế của các bị cáo khó khăn. Vì vậy, miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[4] Về vật chứng: 04 bộ bài tây; 01 hũ sù, kích thước 10x10x15cm; 01 tấm chăn bông, kích thước 02mx02m là vật dùng vào việc phạm tội, giá trị sử dụng không lớn nên tịch thu tiêu huỷ.

Đối với số tiền: 13.200.000Đ (Mười ba triệu hai trăm ngàn) là tiền dùng vào việc đánh bạc và tiền xâu nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Còn 500.000Đ (Năm trăm ngàn) là tiền của T không dùng vào việc đánh bạc nên trả lại cho T.

Đối số tiền xâu 500.000Đ (Năm trăm ngàn) V đã dùng mua nước uống, mì tôm cho những người tham gia đánh bạc sử dụng, nên HĐXX không xem xét.

Các tài sản khác gồm 01 điện thoại của H; 01 xe mô tô, 01 điện thoại của T; 01 xe mô tô của T; 01 xe mô tô của N; 02 xe mô tô của P; 01 xe mô tô của Đ; 01 điện thoại di động của S; 01 điện thoại di động của T; 01 xe mô tô và 01 điện thoại di động của M, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu, sau khi nhận lại chủ sở hữu không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: TCH, BVM, CNS, ĐDT, NVT, NNV phạm tội: “Đánh bạc”.

[1] Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: NVT: 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2020.

Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: TCH: 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 19/9/2020.

Giao bị cáo H cho UBND TT PB, huyện XM quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: BVM: 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 19/9/2020.

Giao bị cáo M cho UBND TT PB, huyện XM quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: CNS: 10 (Mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 19/9/2020.

Giao bị cáo S cho UBND TT PB, huyện XM quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: ĐDT: 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 19/9/2020.

Giao bị cáo T cho UBND xã PT, huyện XM quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: NNV: 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 19/9/2020.

Giao bị cáo V cho UBND TT PB, huyện XM quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

(Đã giải thích chế định án treo).

[2] Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo

[3] Vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS:

Trả lại cho NVT 500.000Đ (Năm trăm ngàn).

Tịch thu sung quỹ nhà nước 13.200.000Đ (Mười ba triệu hai trăm ngàn). Tịch thu tiêu huỷ 04 bộ bài tây; 01 hũ sù, kích thước 10x10x15cm; 01 tấm chăn bông, kích thước 02mx02m.

(*Vật chứng được quan lý theo biên bản giao nhận vật chứng số:56/BB ngày 31/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM*).

[4] Về án phí: Các bị cáo TCH, BVM, CNS, ĐDT, NVT, NNV mỗi người phải nộp 200.000Đ (Hai trăm ngàn) án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận.

- TAND tỉnh BR – VT.
- Sở TP tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- CA huyện XM.
- PC 06.
- PV 10.
- Chi cục THADS huyện XM.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(*Đã ký*)

Hoàng Ngọc Tuấn

